

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 15/ 6/2020  
*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH  
*Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hà Minh Lực.

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Tạ Khắc Nghĩa.  
- Ông Phan Văn Hương.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia  
phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/ 6 /2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 307 /2019 /TLST – HN&GD ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15 ngày 6 /5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 26/5/2020.

**Nguyên đơn:** Chị Quách Thị P , sinh năm 1995.

HKTT: Thôn 1 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Chị P vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 1 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Anh T vắng mặt đã tổng đạt hợp lệ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Trong đơn khởi kiện ngày 23/12/2019 và bản tự khai ngày 25/12/2019 cũng như đơn xin xử vắng mặt, chị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 05/6/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị sinh sống tại thôn 1, V, xã T. Đến khoảng tháng 02/2019 thì chị P mang con về quê ở xã P, huyện N để sinh sống. Từ đó hai người không quan tâm gì đến nhau nữa. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Ban hòa giải của thôn đã hòa giải nhưng không có hiệu quả. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

**2. Về con chung:** Vợ chồng chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 07/01/2018, hiện đang ở với chị P, chị xin nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì chị có đủ điều kiện chi làm công nhân thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng một tháng, hiện tại chị ở với bố mẹ, bố mẹ chị không có con trai.

**3. Về tài sản chung, về công nợ chung:** Chị P không yêu cầu tòa giải quyết.

**Ý kiến anh T :** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của Pháp luật, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

**Tại phiên tòa:** Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án giai đoạn sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” là đúng quy định khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn, bị đơn đúng và đầy đủ theo quy định tại các điều 68, 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tài liệu chứng cứ thực hiện đã lập biên bản và ghi đầy đủ các chứng cứ do đương sự giao nộp, việc lập biên bản đúng

theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: thời hạn mở phiên Tòa vào ngày đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa đã tiến hành đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện gửi đơn khởi kiện và nộp án phí đúng quy định tại các điều theo điều 186, 190, 195 TTDS.

Bị đơn đã không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ:** Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Đề nghị xử:.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Quách Thị P

1. Xử lý hôn giữa chị Quách Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/01/2018, hiện đang ở với chị P, tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

3. **Về án phí ly hôn:** Chị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” giữa chị P và anh T. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. **Về thủ tục tố tụng:** Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị P, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị P đã nhận và chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình, còn anh T vắng mặt không có lý do. Đến ngày 06/5/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị P và anh T kết hôn với nhau có đăng ký kết

hôn tại UBND xã T , huyện N trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của hai người là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dù đơn phương theo chị P xác định là do trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, đến tháng 2/2019 thì chị và anh T sống ly thân chị mang theo con về nhà bố mẹ chị ở xã P, huyện N ở từ đó không quan tâm gì đến nhau nữa.

Đối với anh T đã biết việc chị P xin ly hôn anh Trong thời gian giải quyết, anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy các ý kiến của anh không được thể hiện. Trên thực tế từ khi chị P và anh T sống ly thân, hai người cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P . Xử lý hôn giữa chị P và anh T là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

**4. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Xét thực tế hoàn cảnh sống cũng như điều kiện chăm sóc con của chị P. Cần chấp nhận nguyện vọng của chị P giao cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/01/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận đề nghị của chị P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**5. Về tài sản chung, về công nợ chung:** Từ yêu cầu của chị P không giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**6. Về án phí ly hôn sơ thẩm :** Chị P phải nộp theo quy định của pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, chị P đã nộp được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** Căn cứ Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

**Xử.** Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Quách Thị P.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử lý hôn giữa chị Quách Thị P và anh Nguyễn Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 07/01/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom*

*con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3. Về tài sản chung, về công nợ chung:** Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

**4. Về án phí:**

*Án phí ly hôn:* Chị P phải nộp 300.000 đồng, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 00000407 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã T
- Đương sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hà Minh Lực**